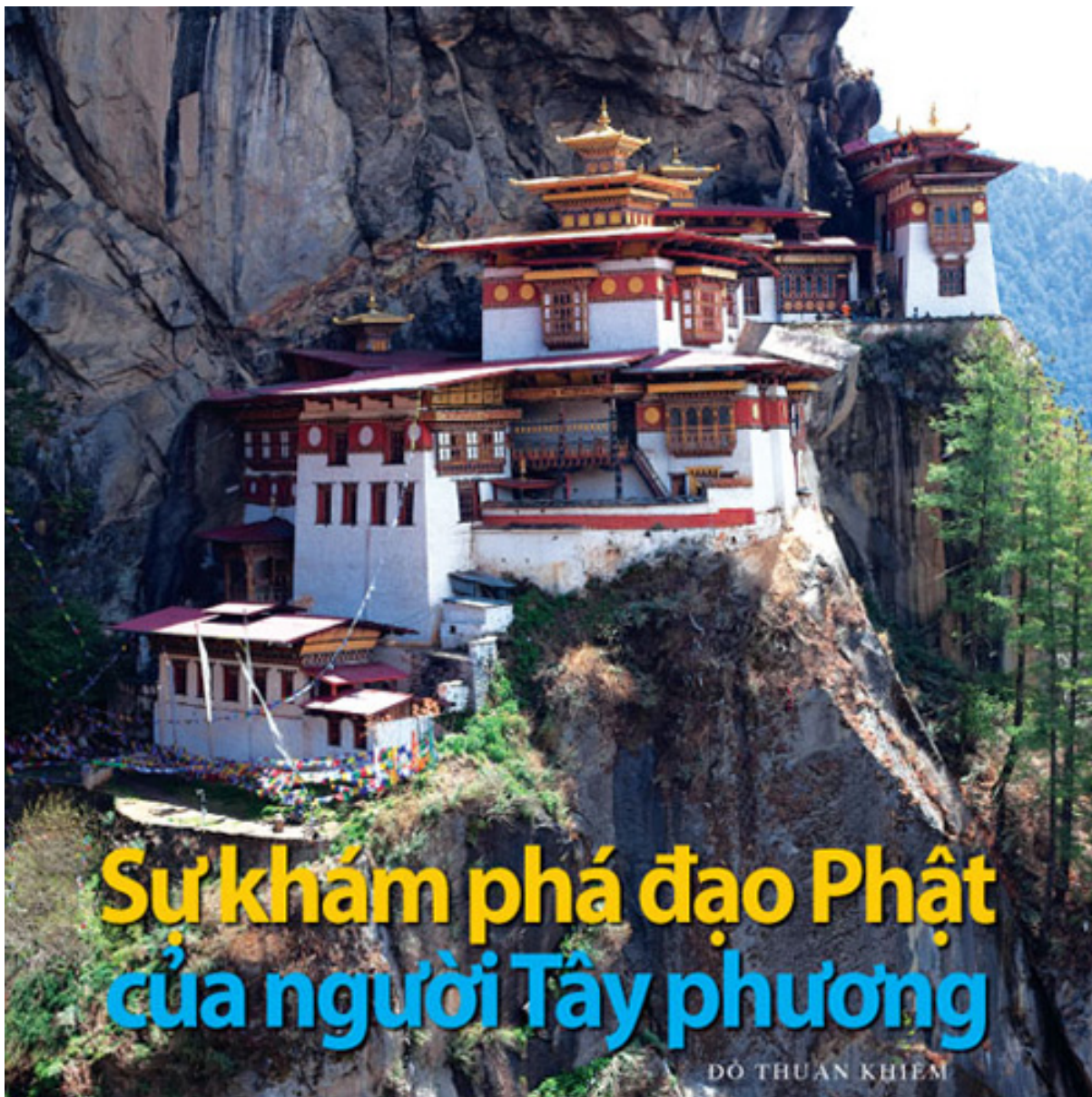


Chức khám phá này đây rất chính xác. Không có sự truyền giáo của đạo Phật đến người Tây phương. Và, tuy người Âu châu khám phá đạo Phật rất trễ, nhưng đó là sự khám phá vô cùng lý thú. Thời kỳ này, suốt thời gian dài, người Âu châu không có ý niệm về sự có mặt của đạo Phật. Trí thức Âu châu, từ các học giả Hy Lạp cổ đại, đến những giáo sĩ các dòng thánh sai lầm đi, các quan cai trị và các nhà nghiên cứu thời Ánh sáng, khi khảo sát về tín ngưỡng của người châu Á, chỉ nói đến những nghi thức mạnh mẽ hơn nữa, sự sùng bái người tổ tiên của các giáo phái bí ẩn, chỉ không lĩnh hội được một hình thức nào có tính hợp lý, trong giáo thuyết và trong thực hành, để có thể gọi đó là một tôn giáo.



I - Sự khám phá đạo Phật

Một số nhà khoa học từ trước tiên đã đưa ra và đã chịu nhiều bàn cãi. Nhưng, rất nhanh sau đó, trí thức Âu châu đã nhận biết được sự hiện hữu của một giáo thuyết độc biệt, một giáo và triết học, có một tiêu đề và một lịch sử riêng. Điều kiện của triết học đã có mặt, và tên gọi cho 'đạo của Phật' được đặt ra và phổ biến. Hơn hết các bản kinh nói rằng của Phật giáo đã được dịch sang các tiếng Âu châu trong nửa thế kỷ 19. Và, sau một thời gian khá dài bị hiểu lầm, Phật giáo đã được những học giả khoa học sáng giá nhất thời đánh giá lại. Đến khoảng thập niên 1950, đạo Phật đã được nghiên cứu rộng rãi từ nhiều học viện uy tín nhất ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Những công trình nghiên cứu giá trị về đạo Phật được phổ biến đến chúng, lôi cuốn sự nghiên cứu về đạo Phật tại các xã hội khoa học tiên tiến ngày càng đông.

Sơ khám phá đạo Phật của người Tây phương còn là công trình so sánh, phân loại những chủ nghĩa liên với đạo Phật từ khi nó được tách rời những nghi thức hành lễ vốn là những chủ thể liên có tính văn hóa của những dân tộc đã được gắn ghép vào theo nên những hình thức Phật giáo bên ngoài của từng dân tộc, trí thức Âu châu đã thiết lập lại gần như từ đầu những giáo thuyết, những phương pháp, cùng quá trình phát triển của đạo Phật. Một số phương pháp từ trước được sử dụng trong quá khứ được soát xét lại, cùng với nhiều kiến giải mới, theo kiểu duy luận của tinh thần khoa học hiện đại; những học giả từ những triết gia và triết lý, triết học. Và những đức tính thế gian và con người, trong từng thế hệ của đạo Phật, cũng đang được nghiên cứu đang đổ vào những đức hạnh nhân văn và xã hội. Phấn tu tập cho mình được bắt đầu phát triển từ khoảng cuối thập niên 1970.

Ngày nay, một 'Phật giáo Tây phương' đang thành hình, dựa trên một 'Phật giáo triết học' – có thể gọi là 'Phật giáo khoa học'; chính chính nó sẽ thúc đẩy cho 'Phật giáo học thuật' (cùng phương pháp, có tính luận lý, thuộc 'hiện tượng luận') và 'Phật giáo học thuật' (nhằm đặt 'trí tuệ siêu việt, Chân lý, thuộc 'chân thực luận'), đã phát triển trong lịch sử; và chính chính sự kết hợp của ba loại Phật giáo này tạo thành đức đức của Phật giáo thế giới: với 'Phật giáo khoa học' là gốc rễ của hai loại Phật giáo kia, tiến tới việc thành hình một 'hệ thống đạo lý phi thế tục' lại có chính năng động: cái tiến tính người và song hành với khoa học, của Phật giáo thế nhân với nhân sinh toàn cầu, qua Nghị quyết ngày 15-12-1999 của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc: lấy ngày Phật đản sanh hàng năm làm ngày hòa bình của nhân loại.

II - Tổng hợp về đạo khi lập sơ

Vào cuối thế kỷ 18, nghiên cứu về văn minh Ấn Độ và chính Phật bắt đầu thành một chuyên ngành, với điều kiện và các phương pháp riêng. Đến đầu thế kỷ 19, các học giả của người Anh, Pháp và Đức – ở Calcutta, ở Paris, ở Bonn, và ở Berlin (Đức), bắt đầu tiếp cận đến với một lãnh vực rộng lớn, chính được biết đến. Từ đó, từng bước và khá nhanh, những công cụ của triết học nguyên học, hay những môn học chuyên ngành đi vào một thế xa xưa, những học

cho những triết thức chính xác và những chuyên đề chọn lọc nghiêm ngặt.

Khi đến các bản dịch đầu tiên về Phật giáo, Âu châu có thái độ lảng mạn, đến biết là Phật giáo, tin là đã tìm thấy trong Bà-la-môn giáo ánh sáng cho những lo ngại của họ. Những anh hùng ca, kịch bản, thơ phú của Đức, cùng các tác phẩm của những «triết gia sông Hằng», tạo nên sự chú ý một cuộc phổ biến mới. Những tác giả rất khác nhau như: Schlegel, Schelling, Schopenhauer, Leroux v.v. cho rằng tư tưởng Âu châu sẽ được tái sinh, với các tác phẩm Phật giáo, tạo nên Phật giáo truyền thống, với các tác phẩm Hy Lạp được những người theo chủ nghĩa nhân bản tìm thấy lại. Trong một thời gian khá dài, những người tin rằng sự «Phục hưng Đông phương» (chủ của họ), bởi âm vang đã đi đến của nó, sự phổ biến rộng lớn và sâu sắc hơn của Phật giáo Âu châu ở thế kỷ 15 và 16. Cái quá khứ đang mờ nhạt, thối rữa, còn xa xưa hơn những gốc nguồn Hy Lạp. Họ hiểu một quan điểm đầu tiên rằng, tư tưởng trước với gốc nguồn Aryan nguyên thủy nhất này, có thể sáng tỏ ra một tư tưởng lại mới, hoàn toàn khác với hiện tại – nguồn cội và tư tưởng lại tư tưởng riêng nhau những không giống nhau -, và những rời rạc của một chủ đề là đo lường của một đầu ngoặt dài sắp sửa khép lại.

Hồ hy vọng của người Đức, mà Herder (triết gia Đức thế kỷ 18) xem là «cái nội của nhân loại», một sự cứu rỗi của ngày mai. Sự khám phá Bà-la-môn giáo, qua các công trình được dịch về Phật giáo, chủ nghĩa những đã kích thích óc tò mò mà còn gây nên sự ngạc nhiên và ngỡ ngàng mới. Cái Đức của một biết đến thế thì được một cái mới, để suy tư và thi vị hóa, như quê hương gốc của sự toàn hảo, trật tự, vượt trên mọi thời đại lịch sử, và tồn tại như năng lực duy nhất có thể làm sống lại tinh thần, chắc chắn, của Âu châu. Như, trong thế kỷ ngày 18-12-1806, cho Windischmann, Schelling viết: «Tôi cho rằng việc khôi phục sự hợp nhất Đông-Tây là vấn đề lớn nhất cho giới đáp mà Tinh Thần thế giới đang tìm kiếm. Âu châu là gì, nếu không là thân cây khô héo từ thân, cây từ cây non những tiếp ghép Đông phương và chỉ có thể được hoàn thiện những nơi các tiếp ghép này?». Tại Paris năm 1842,

Edgar Quinet, trong sự nghiệp tác giả khác, cũng nêu lên cùng hy vọng: «Cùng lúc thâm nhập vào thi ca, vào chính thức của Tây phương, Á châu cũng len lỏi vào trong các chủ thuyết; siêu thế học, đến lượt nó, cũng có sự liên kết hai thế giới», trong sách *Le Génie des religion*.

Sự liên kết này được hy vọng, chủ đề, loan báo một cuộc phổ biến trên nền tảng Đông và Tây tìm gặp lại. Những sự phổ biến sinh chủ nghĩa những đã không đi đến ra, mà tất cả mọi việc đều sụp đổ. Không phải chỉ đến gần vì đó là một giới hạn mà thực tại và tư tưởng những hơn nhiên phải khác. Mà vì, từ các năm 1820, khi những môn học từ liêu từ nước, được thu về từ Nepal, Trung Quốc, Tích Lan, Tây Tạng, Thái Lan, Nhật Bản, v.v., bắt đầu được kết tập, phân loại, so sánh; khi các nét chính của giáo thuyết nhà Phật hiện rõ, thì sự hợp nhất những việc một sự sống tinh nguyên bất tận được thành sự khinh ghét đến với một đầu ngả chọn lọc. Đạo Phật của được phát hiện, liên

Buddha xem là một phật đản hay một khiêu khích nội thân và bản năng trong lòng trót trơ xã hội và trót trơ tình thần Bà-la-môn giáo, Buddha xem như một loại «nội loạn lý» rồi đến thù địch mang một dòng thần khải và siêu thế học, hay như một đấng án hạ diệt mọi tư duy, một phiến loạn, tác nhân của thoái hóa, đời bần.

Khi này, đạo Phật thế gian được trình bày như một chủ thuyết lỗi đời, không thể lĩnh hội được, chỉ võ một kiểu hiểu lầm như một đấng «không-là-gì-cả», với một tiêu chí hiểu lầm là và thu nhận tủy là hư vô – với nội hàm trăm triệu con người người người vâng sự tan biến bản thể của chính mình, dành trọn mọi nội lực thánh thiện nhất và bản năng nhất cho sự hạ diệt chính mình và xem đó là diễm phúc không thể diễn tả được. Làm sao, như họ nói, con người nào có thể mong cầu hư vô?

III - Chiếu sáng của sự ngộ nhận

Thực vậy, trên bình diện chủ thuyết, đạo Phật rất khác với Bà-la-môn giáo, nên cũng rất mới lạ đối với các học thuyết chính của truyền thống Tây phương. Khi đến đến khám phá giáo thuyết nhà Phật, Âu châu thời kỳ này đây là một Thế giới giáo hay là một triết học. Cùng với những thực tế về đạo Phật – như là một Thế giới giáo không có Thiên Chúa, một con đường của sự không có sự sống vĩnh cửu, hạnh phúc không có cứu rỗi nội tâm, luật thiên tác khải mọi nội lực thần linh, luân lý không bám vào siêu nghiệm ... -, óc tò mò của những nhà triết học Âu châu thế kỷ 19 còn bị kích thích bởi một học thuyết từ lâu không được biết đến, chủ đề được khám phá với những mặt như vậy được kết hợp một cách lạ lùng. Họ nhận biết đạo Phật bằng thời kỳ hiểu triết học hiện đại là bằng tinh thần khoa học. Và, một bước của quá trình truy tìm nghiên cứu, những phát hiện mới mẻ của những thực tế mới mẻ trên những nghiên cứu luận về chủ đề đạo Phật. Những triết học đi theo thời kỳ đó, các bản chính của chủ nghĩa hư vô, của Âu châu thế kỷ 19, được xác lập và được tô điểm sắc sảo sang thế kỷ bập.

Một số lớn triết học gia thời đó tin rằng họ đã thấy trong đạo Phật một hình ảnh không tên, và như một cái gì không thể có được: tinh thần con người không thể thực sự muốm sự đánh mất chính mình. Thế nhưng, giáo thuyết của ông và xã hội này của Á châu là một thực tại: triết học được với niên hạn của văn minh Hy Lạp, với sự tín đồ còn nhiều hơn tín đồ Ky-tô giáo. Những học không thể xếp đạo Phật vào một loại thần học nào cả; cho nên, càng lời luận bao nhiêu, đạo Phật càng làm ngổn ngang ta sự bực bội. Và tất cả đều đã, hoặc ít hoặc nhiều, được hóa Niết-bàn với sự triết học tiêu cực, đã kết liễu đạo Phật với chủ nghĩa bi quan, khô khan và tiêu cực; tất cả những gì của đạo Phật đều bị xem là tôn giáo của hư vô, nghiên cứu triết học và ghê tởm, chủ nghĩa trí tuệ «bình thường» của thế giới – thế giới Tây phương, Ky-tô giáo, sống được, xác định... -. Sự khiếm khuyết đời với đạo Phật, nội hàm hết các triết gia Âu châu thế kỷ 19, tất cả như sự khiếm khuyết triết học ma quái, một sự hãi yêu ma, một khủng bố quật ám hiện tại đó đây, và có thể hạ hạ trí

bên trong. Dù vậy thì của sự khiếm khuyết còn được ghi lại rất nhiều trong những tác phẩm của các triết gia Đức – Hegel, Schopenhauer, Schelling, Nietzsche

... -, và nói các học giả Pháp – Cousin, Taine, Renan, Saint- Hilaire, Quinet, Comte..., nhất là Renouvier.

Dĩ nhiên, đó là người nhận. Và Roger-Pol Droit đã vạch rõ lý do của sự sai lệch đó, của một tình trạng đã ám ảnh Âu châu thế kỷ 19; cho thấy, bằng cách nào, tại sao, bởi sự cảm động nào mà, khi nói với kẻ khác, phương Tây xa, Á châu, Phê phán, người ta lại khiếm khuyết trước những gì sẽ đến cho sự sống; đứng trên cho thấy, làm thế nào mà, trong khi những nhà học hỏi và Đông phương học hỏi thì đó cũng là những xác định ý nghĩa của tình trạng câu trong các biến kinh, các tác phẩm thu thập được từ các cuộc viễn du hoặc viễn chinh và cũng đang lại tình trạng biến đổi lịch sử và những đức điếm của đức Phê phán, thì các triết gia lại tùy tiện chọn một số để kiến tạo thuyết nhà Phê phán do những nghiên cứu Đông phương học cung cấp để diễn đạt Phê phán giáo thành một tôn giáo cho trước những học vô của đạo đức luân lý, để hiểu mà chính Đức Phê phán vẫn phê phán mình.

IV - Đôi điều học hỏi từ tình trạng lại

Xét cho cùng, khi truy cập vào bản tình trạng của mình, Đức Phê phán đã phải sử dụng ngôn từ để hiểu của thời đại đó. Có thể rằng những người đã nghe và đã ghi lại những lời Phê phán duy là những người đã giác ngộ, như các kinh có nói. Điều này vẫn không thay đổi được thực tế là kiến thức triết học và ngôn ngữ, được sử dụng để trao truyền những lời dạy đó, đã bị điều kiện hóa bởi thời đại này, và cũng không thể tiên đoán được những học vấn để chứa đựng những học vấn. Ngay cả nếu có thể tiên đoán được, thì ngôn từ mà Đức Phê phán phải sử dụng, để diễn đạt những học vấn và những giới pháp, cũng chứa đựng một sự o ra; và nếu Đức Phê phán có sáng tỏ ra những học vấn mới của triết học, thì cũng không thể được hiểu một cách trọn vẹn.

Nếu Ngài sống vào thời đại chúng ta hôm nay, điều thế kỷ 21 thay vì thế kỷ 6 trước TL., chắc hẳn Đức Phê phán sẽ ban lại dạy của Ngài cách khác. Không phải vì chân lý và Phê phán pháp đã đổi khác, nhưng vì người nghe đã trải qua gần 26 thế kỷ của kinh nghiệm lịch sử. Kinh nghiệm thêm đó, không chỉ là trình độ khái niệm và khả năng nhận thức, mà còn là tâm tính và thái độ tinh thần luôn luôn bị điều kiện hóa bởi hệ thống lý do của môi trường văn hóa, bởi kiến thức duy và khung cảnh xã hội của môi trường văn minh, với những học vấn cộng đồng và vấn đề mới, đòi hỏi những giới pháp khác. Nói chung, đức Phê phán đang được hiểu hóa lại một cách mới mẻ trong con người thời đại.

Không phải những thành quả có được của những thời đại trước là quan trọng, những chính những phương pháp đã từng có hiệu quả giúp giải đáp những câu hỏi đó mới là điều cần phải gieo trồng và truyền đi, bằng những cách nhận thức và trình bày mới. Làm sống lại những tín ngưỡng của người xưa, mới Phật giáo trở thành giáo hội quá khứ và hiện tại. Mọi người tiếp thu quá khứ bằng cách chấp nhận tín ngưỡng và chuần bản hóa giáo lý cho từng người. Cho bằng cách đó, quá khứ mới hội nhập vào kiến thức thời đại và có ý nghĩa cho hiện tại. Khác đi, quá khứ chỉ là lịch sử vì mất hẳn chức năng thực tại.

Người Tây phương đang dần vượt qua Phật giáo ngày càng nhiều. Những trên bình diện luận lý, người thời đại, với cái nhìn như phân, kiểu 'hệ quả Descartes', chia thế giới thành hai khu vực: thực lý (rationnel) và phi lý (irrationnel), đối kháng và phân biệt nhau. Trong khi Phật giáo, có trình bày phân biệt phạm vi 'lý' (rationnel) và phạm vi

'quan hệ' (relationnel), những chúng không đối kháng loại trừ nhau. Đó là hai mặt của một hiện tượng, như mặt trời phải được thấy trong cái nhìn toàn nguyên, giúp nắm bắt thực tại trên toàn thể của nó.

Đấy là cái nhìn sống vượt qua mọi hạn chế Phật giáo, không bị giới hạn trong trí thông minh, cũng không là phóng túng ngang tàng, khác hẳn với thế giới của người thời đại thế giới đã mất niềm tin, cần chính mình và thế giới. Vì thế, mặt Phật giáo của thời đại, thế giới với nhân sinh và mặt của cho mọi người, phải đem đến cho con người những 'niềm tin' mới, với nội dung sống chết: sự xác quyết sâu xa của con người và chính mình và khám nghiệm được bản chất con người, khác với những đức tin thuần túy; cùng lúc phải làm sống lại một cách mới mẻ những tư tưởng cốt lõi mà Phật giáo đã gieo hạt trong tâm thức của người Phật tử. Những hạt giống này đã nảy nở (một cách tùy duyên) trong nhiều nền văn hóa và văn minh rất khác biệt, đã thích hợp với tâm thức của nhiều người giáo dục sống trong những điều kiện rất khác nhau, những không bao giờ đánh mất những chức năng nội tại, cũng như những ý hướng đối với các chúng: sự giải thoát, sự giác ngộ (tuệ giác), và 'tính toàn thể phổ quát' (Phật tính). □

*Theo Le Culte du Néant, Les philosophes et le Bouddha. Roger-Pol Droit. (Le Seuil, 1997) □
□ Thuần Khiêm*

(Văn hóa Phật giáo)